

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2023/DS-PT

Ngày: 15-6-2023

V/v yêu cầu bồi thường giá trị
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Nhữn
Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023, về việc “Yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2023/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 164/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Không D, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tổ 1, ấp L1, xã L, huyện G, tỉnh Long An.

1.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ 15, ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Long An.

1.3. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ 15, ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Long An.

1.4. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ 15, ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Long An.

1.5. Bà Nguyễn Thị Thu S1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ 15, ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà L, ông S, bà S1: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 15, ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Minh C1 - Văn phòng Luật sư An Châu - Đoàn luật sư tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hồ Văn M, sinh năm 1958; (chết ngày 26-01-2022)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M:

- Bà Hồ Thị Thu H1, sinh năm 1993;

- Bà Hồ Thị Minh S1, sinh năm 1995;

- Bà Hồ Thị Thu T, sinh năm 1989;

- Ông Hồ Minh T1, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Tổ 15, Ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Long An.

2.2. Ông Hồ Văn M1, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Tổ 15, ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M1: Bà Hồ Thị Thanh N, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện G, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trang Văn C, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 7, Ấp N, xã H, huyện G, tỉnh Long An.

3.2. Bà Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1956; Địa chỉ: Tổ 15, ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X: Bà Hồ Thị Thanh N, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện G, tỉnh Long An.

3.3. Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1964; (vợ ông M) (đã chết ngày 22-7-2021)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà V: ông T1, bà H1, bà T, bà S11.

(Bà H, bà L, ông C1, ông T1, ông C, bà N có mặt; ông M1, bà X, bà H1, bà T, bà S11 có đơn xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn M, ông Hồ Văn M1 phải liên đới bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 359m² thuộc một phần thửa đất số 103, 104, Tờ bản đồ số 5, đất tại xã H, huyện G, tỉnh Long An, với số tiền là 200.000.000 đồng. Đây là số tiền mà trước đây bà Nguyễn Thị V1 (mẹ của các nguyên đơn) yêu cầu ông M và ông M1 phải bồi thường.

Theo Mảnh trích đo địa chính số 05 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện G duyệt ngày 12-8-2016 (được thực hiện trong thời gian bà Nguyễn Thị V1

khieu nại tại Ủy ban nhân dân xã H, do bà V1 chỉ ranh), phần đất tranh chấp có diện tích là 396m². Trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Ủy ban nhân dân xã H, ông T2 là chủ sử dụng đất thửa 670 (được tách từ thửa 104- có diện tích mà bà V1 khiếu nại là 37m²) đã thương lượng giải quyết xong với bà V1. Còn lại phần đất là (396-37=)359m² chưa thương lượng được. Bà Nguyễn Thị V1 chết ngày 05-4-2019, các nguyên đơn là con của bà V1 tiếp tục khởi kiện theo yêu cầu của bà V1.

Theo bà Nguyễn Thị V1 kể lại phần đất tranh chấp trước kia chung với thửa 144, diện tích 13.063m², tờ bản đồ số 5, đất tại xã H, huyện G, tỉnh Long An do ông bà để lại cho bà V1 từ trước năm 1975. Trước đây có khe nước nhỏ chảy qua khu đất này, dần dần hình thành rạch và chia khu đất thành 2 phần, một phần thuộc thửa 144 và một phần đang tranh chấp. Phần đất tranh chấp có vị trí cụ thể (tính theo chiều ngang con rạch) như sau: phần đất ruộng tương ứng thửa 144 - bờ (hiện giờ vẫn còn) - rạch - dãy đất hẹp của bà V1 cấy lúa (phần tranh chấp) - đường bờ chùa cũ - đến đất của ông M thuộc thửa 103 và 104. Thời gian đầu, bà V1 có cấy lúa trên phần đất tranh chấp, sau này trồng lá dừa nước. Lúc còn cấy lúa, chiều ngang phần đất này khoảng mấy tằm (1 tằm =2,5m), nhưng không đều, chỗ rộng, chỗ hẹp, quá trình sử dụng bị sạt lở một phần, phần còn lại bà V1 trồng lá.

Cách đây hơn 30 năm, đã hình thành đường bờ chùa mới, đường bờ chùa cũ cây cối um tùm nên ít người đi lại. Đường bờ chùa cũ này không bị sạt lở, mà do phía bị đơn quá trình sử dụng đã lấn chiếm nên hiện không còn.

Phần đất thửa 144 bà V1 đã cắt bán cho nhiều người khác, chia cho các con trước năm 2016. Khoảng năm 2016, khi ông C san lấp, chia thửa, xây dựng nhà, bà V1 phát hiện phần đất này đã cấp cho ông M và ông M1 nên khiếu nại.

Các nguyên đơn khởi kiện ông M và ông M1 vì toàn bộ phần đất tranh chấp trước đây do ông M đứng tên quyền sử dụng đất. Sau đó, ông M chuyển nhượng lại cho ông Trang Văn C một phần, ông Trang Văn C cắt thành nhiều thửa, bán lại cho những chủ sử dụng khác và còn một phần chuyển lại cho ông M1 (do bà X đứng tên). Sau đó, ông M, ông M1 và các chủ khác (thường xuyên thay đổi, không xác định được) sử dụng luôn phần đất của bà V1. Do ông M và ông M1 biết rõ phần đất của bà V1 và được lợi đối với phần đất tranh chấp, ông M đã bán luôn phần đất của bà V1 nằm trong giấy của ông M nên khởi kiện ông M và ông M1 có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 200.000.000đồng. Những chủ sử dụng sau không biết sự việc, chỉ sử dụng theo ranh được cấp nên họ không có trách nhiệm bồi thường.

Theo bà được biết, tại thời điểm kê khai, đăng ký cấp giấy, bà V1 có kê khai luôn phần đất tranh chấp là đất lá, nhưng cán bộ địa chính xã nói rằng phần đất bà V1 đăng ký nhỏ, không đủ điều kiện hình thành thửa đất mới nên không làm thủ tục được, bà V1 cứ quản lý sử dụng. Bà V1 sử dụng phần đất này từ trước năm 1975 để trồng lúa, sau này trồng lá dừa nước. Theo bà, đường bờ chùa cũ và đất của bà V1 không bị sạt lở, tại thời điểm đo đạc năm 2016 thì vẫn còn, vì lá dừa nước ăn ra mé rạch giữ cho đất không sạt lở.

Trong 359m² đất bà V1 xác định thuộc quyền sử dụng của bà V1 theo Mảnh trích đo địa chính số 05 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện G duyệt ngày 12-8-2016, có 98m² đất SON do Nhà nước quản lý. Do đó, bà H đại diện cho các nguyên đơn, thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định chỉ yêu cầu cá nhân ông Hồ Văn M bồi thường cho các nguyên đơn số tiền là 145.402.000đồng, tương ứng với diện tích

261m². Hiện ông M đã chết, nguyên đơn yêu cầu các con ông M phải có trách nhiệm bồi thường.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Văn M trình bày: Phần đất thuộc thửa 103, 104, cùng tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc xã H, huyện G, tỉnh Long An có nguồn gốc của Chùa Chưởng Phước, trước giải phóng Chùa cho cha mẹ ông canh tác, sau giải phóng cha mẹ ông chết, giao lại cho ông Hồ Văn M1 canh tác. Đến năm 1982, khi ông đi bộ đội về, ông M1 chia lại cho ông hai thửa 103, 104. Hai thửa đất này giáp với bờ chùa cũ, hiện đã bị sạt lở xuống rạch. Theo ông biết trước đây, phần đất của ông rồi mới đến đường bờ chùa cũ rồi mới đến đất của bà V1, đất bà V1 giáp rạch. Quá trình sử dụng, bờ chùa này đã bị sạt lở, không ai sử dụng. Đến năm 1982 ông trở về tiếp nhận phần đất này thì bờ chùa chỉ còn ranh bờ, nhiều đoạn lá dừa nước đã ăn vào đất của ông. Sau khi nhận đất, ông trồng lúa trên phần đất này. Đến khoảng năm 2002, ông không còn trồng lúa nữa. Trong thời gian sử dụng đất, lâu lâu bà V1 có bán lá cho người khác, ông không có ý kiến. Tuy nhiên, ông khẳng định phần đất của bà V1 đã bị sạt lở xuống rạch, không còn, nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Năm 2004, ông đi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà V1 không có ý kiến. Đến năm 2006 ông bán lại phần đất thửa 103 cho ông Trang Văn C. Ông còn đứng tên thửa 104 (pcl) (thửa 104 tách thành thửa 670, 690 bán cho chủ khác).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M và bà V là bà Hồ Thị Thu H1, bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Minh S1, ông Hồ Minh T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trang Văn C trình bày: Năm 2006, ông có nhận chuyển nhượng của ông Hồ Văn M thửa đất 103. Khoảng năm 2015-2016, ông có tách thửa 103 thành nhiều thửa, chuyển nhượng lại cho những người khác. Trong quá trình sử dụng đất cũng như tách thửa, không ai có ý kiến tranh chấp. Còn một phần thửa 103, ông chuyển cho mẹ vợ là bà Nguyễn Ngọc X đứng tên quyền sử dụng đất. Khi tiếp nhận phần đất này, ông có đào ao nuôi cá, thời điểm đó bờ chùa đã không còn, chỉ còn hiện trạng là ruộng với lá cặp sát mé rạch. Hiện phần đất thửa 103 ông đã chuyển nhượng cho người khác, khi nhận chuyển nhượng ông nhận chuyển nhượng hợp pháp, nên ông không có liên quan gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc X trình bày: Bà là vợ của ông Hồ Văn M1. Hiện bà đứng tên thửa 103 (pcl). Trước năm 1968, ông M1 sử dụng phần đất thửa 103, 104, đến năm 1982 mới chia lại cho ông M. Đến năm 1972, bà kết hôn với ông M1, nên biết rõ ranh giới đất. Năm 1973, bờ chùa dời qua chỗ khác, do bờ chùa cũ đã bị sạt lở ra mé rạch, chỗ thì bị ăn sâu vào, chỗ thì cũng còn. Đến thời điểm hiện tại bờ chùa này không còn dấu tích nữa, chỉ còn lá sát mé rạch. Gia đình bà S1 sử dụng phần đất này ổn định không ai tranh chấp, đến năm 2016 bà V1 qua chỉ đất của bà V1 nằm trong phần đất của bà, mới xảy ra tranh chấp. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G đã tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Không D, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thu S1 về

việc: (1) yêu cầu ông Hồ Văn M1 và ông Hồ Văn M cùng liên đới bồi thường giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 54.598.000đồng; (2) yêu cầu ông Hồ Văn M1 phải liên đới bồi thường giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 145.402.000đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Không D, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thu S1 về việc yêu cầu ông Hồ Văn M (do ông Hồ Minh T1, bà Hồ Thị Minh S1, bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Thu H1 kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 145.402.000đồng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thu S1 phải liên đới chịu 5.816.080đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 5.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002439 ngày 25-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, bà H, bà L, ông S, bà S1 phải liên đới nộp tiếp 816.080đồng.

4. Về chi phí tố tụng khác là 1.800.000đồng, các nguyên đơn phải chịu (đã nộp xong).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực.

Ngày 04/4/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Phân tranh luận:

Luật sư CI bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004-2005, thời điểm này bà V1 đang quản lý sử dụng phần đất tranh chấp. Tại biên bản hòa giải của UBND xã ông M thừa nhận bà V1 có trồng lá dừa nước trên đất tranh chấp. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M đối với thửa 103, 104 là không đúng quy định của pháp luật. Ông M được hưởng lợi từ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Trong 359m² đất bà V1 xác định thuộc quyền sử dụng của bà V1, theo Mảnh trích đo địa chính số 05 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện G duyệt ngày 12-8-2016, có 98m² đất “SON” do Nhà nước quản lý, nên bà H đại diện cho các nguyên đơn, yêu cầu cá nhân ông Hồ Văn M bồi thường cho các nguyên đơn giá trị quyền sử dụng của 261m² đất với số tiền là 145.402.000đồng. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm.

Ông T1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M trình bày: Phần đất thuộc thửa 103, 104 của ông M và ông M1 sử dụng ổn định không có ai tranh chấp, thời điểm bà V1 còn sống vẫn không có tranh chấp, phần đất của bà V1 không giáp ranh với thửa đất 103, 104 của ông M, ông M1. Đất của bà V1 sử dụng ở bên kia con rạch và Bờ Chùa, thửa đất 103, 104 của Minh, ông M1 giáp đường Bờ Chùa cũ, rồi đến con rạch, không giáp đất bà V1. Đường Bờ Chùa cũ hiện nay không còn do bị sạt lở, con rạch ngày xưa chiều ngang chỉ có khoảng 2m (bà H trình bày chỉ là khe nước nhỏ, hiện nay là con rạch lớn), hiện nay con rạch này có chiều ngang trung bình khoảng 8m, chỗ rộng nhất hơn 10m. Như vậy, đất của bà V1 đã bị sạt lở xuống rạch, bà H cho rằng lá dừa nước mọc lấn

ra rạch giữ đất nên không bị sạt lở là không đúng với thực tế vì lá dừa nước chỉ ăn vào phần đất liền chứ không thể mọc ra rạch được như lời bà H trình bày. Do đó, lời trình bày của bà H không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H.

Ông C trình bày: Khi ông nhận chuyển nhượng thửa đất 103 của ông M thì lúc đó bà V1 còn sống và không tranh chấp gì. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông đào ao nuôi tôm, nuôi cá tiếp, phần ao này tiếp giáp với mé rạch, lúc đó bà V1 còn sống nhưng bà V1 cũng không tranh chấp. Sau khi ông tách thửa chuyển nhượng cho nhiều người khác thì lúc đó mới phát sinh tranh, bên bà V1 cho rằng đất tranh chấp của bà V1 là không đúng, lúc ông nhận chuyển nhượng đất thì phần đất này tiếp giáp mé rạch không còn đường Bờ Chùa cũ như bà H trình bày. Con rạch hiện nay chiều ngang có chỗ rộng nhất hơn 10m.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kháng cáo của bị đơn bà H đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà H kháng cáo yêu cầu các con ông M phải có trách nhiệm bồi thường cho các nguyên đơn số tiền là 145.402.000đồng, tương ứng với diện tích 261m². Xét thấy:

Các đương sự xác định trước đây bà V1 có sử dụng một dãy đất giáp rạch, có vị trí: Rạch rồi đến phần đất của bà V1, đến đường Bờ Chùa cũ, rồi đến đất của ông M thuộc thửa 103, 104. Nguyên đơn xác định hiện nay đường Bờ Chùa cũ vẫn còn. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cho rằng phần đất của bà V1 không còn và đường Bờ Chùa cũ cũng không còn vì đã sạt lở xuống rạch. Căn cứ vào các cứ trong hồ sơ thể hiện trước đây có đường Bờ Chùa cũ rộng khoảng 1,5m nhưng không ai đi, đường Bờ Chùa cũ bị sạt lở hết cách nay 30 năm, lá dừa nước ăn sâu vào trong đất liền.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ, hiện trạng phần đất tranh chấp còn một dây lá dừa nước cặp rạch rồi đến phần nhà, đất của người dân. Bản đồ địa chính năm 1993 và bản đồ chỉnh lý năm 2015 thể hiện thửa 103, 104 giáp rạch, không thể hiện có lối đi giáp rạch. Bà V1 không được cấp quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp. Ông Hồ Văn M được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004 và 2005. Như vậy, không đủ căn cứ xác định phần đất 261m² theo Mảnh trích đo địa chính số 05 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà V1. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn M bồi thường giá trị quyền sử dụng của 261m² đất nêu trên là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Xét kháng cáo của bà H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc các con của ông M bồi thường giá trị quyền sử dụng của 261m² đất với số tiền là 145.402.000đồng. Xét thấy:

[3.1] Các đương sự xác định trước đây bà V1 có sử dụng một dãy đất hẹp giáp rạch, có vị trí: Rạch rồi đến phần đất của bà V1, đến đường Bờ Chùa cũ, rồi đến đất của ông M thuộc thửa 103, 104. Như vậy phần đất của bà V1 không tiếp giáp với thửa đất 103, 104 của ông M, ông M1 mà tiếp giáp với đường Bờ Chùa cũ. Nguyên đơn trình bày đường Bờ Chùa cũ không bị sạt lở mà do ông M lấn chiếm. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cho rằng phần đất của bà V1 không còn và đường Bờ Chùa cũ cũng không còn do đã sạt lở xuống rạch.

[3.2] Ông Huỳnh Ngô K - Cán bộ địa chính xã H xác nhận bản đồ địa chính năm 1993 và năm 2015 không thể hiện đường Bờ Chùa cũ. Theo ông được biết thì đường Bờ Chùa cũ đã sạt lở và bị mất cách đây hơn 30 năm. Hiện trạng đường Bờ Chùa cũ không còn, chỉ còn lá dừa nước cặp mé rạch. Ông Đỗ Văn C2 - nguyên là cán bộ địa chính xã H giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2007 trình bày: Phần thửa đất 103, 104 do ông Hồ Văn M quản lý, sử dụng có 01 phần giáp rạch, cặp rạch có 01 dây lá dừa nước. Quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày con rạch trước đây chỉ là khe nước nhỏ, thực tế hiện nay là con rạch lớn có chiều ngang trung bình khoảng 8m, chỗ rộng nhất hơn 10m. Như vậy, có cơ sở xác định phần đất của bà V1 cặp rạch đã bị sạt lở xuống rạch và đường Bờ Chùa cũ cũng bị sạt lở xuống rạch. Bà H cho rằng lá dừa nước mọc lấn ra rạch giữ đất nên đất không bị sạt lở là không đúng với thực tế vì lá dừa nước chỉ ăn sâu vào phần đất liền chứ không thể mọc ra rạch được như lời bà H trình bày.

[3.3] Bà V1 không được cấp quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp, phần đất này ông M đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Do đó, không có cơ sở xác định phần đất 261m² theo Mảnh trích đo địa chính số 05 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị V1. Vì vậy, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu ông Hồ Văn M (do các con ông M kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) bồi thường giá trị quyền sử dụng của 261m² đất với số tiền 145.402.000đồng là không có cơ sở. Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H, chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo Điều 148 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Long An.

Căn cứ các điều 26, 37, 39, 74, 147, 148, 228, 217, 244, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 164, 170, 584 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 166, 168, 170 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Không D, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thu S1 về việc: (1) yêu cầu ông Hồ Văn M1 và ông Hồ Văn M cùng liên đới bồi thường giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 54.598.000đồng; (2) yêu cầu ông Hồ Văn M1 phải liên đới bồi thường giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 145.402.000đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Không D, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thu S1 về việc yêu cầu ông Hồ Văn M (do ông Hồ Minh T1, bà Hồ Thị Minh S1, bà Hồ Thị Thu T, bà Hồ Thị Thu H1 kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 145.402.000đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thu S1 phải liên đới chịu 5.816.080đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 5.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002439 ngày 25-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, bà H, bà L, ông S, bà S1 phải liên đới nộp tiếp 816.080đồng.

4. Về chi phí tố tụng khác là 1.800.000đồng, các nguyên đơn phải chịu (đã nộp xong).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011914 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Long An.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Nhữnɡ – Phùng Thị Cẩm Hồng

Trịnh Thị Phúc